Chi tiết mã HS 8421.39.90

Mã HS	8421.39.90
Mô tả hàng hóa	Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng hoặc chất khí / - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế các loại khí: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	15/11/2026 12:37:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84213990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13483
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13483
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13483
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12776
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12717
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12717
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12717
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12717
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12717
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12717
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12771
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12771
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12771

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12771
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12771
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12771
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12772
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12772
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12772
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12772
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12772
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12772
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12775
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12723
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12731
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12731
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12731
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12731
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12731
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12731
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12762
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12762
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12762
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12762
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12762
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12762
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12811
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12811
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12811

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12811
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12811
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12811
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12794
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12794
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12794
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12794
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12794
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12794
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12794
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12794
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12794
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12794
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12794
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12794
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12809
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12809
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12809
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12809
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12809
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12809
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12808
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12808
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12808
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12808
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12808

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12808
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12788
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12788
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12788
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12788
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12788
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12788
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12788
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12796
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12796
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12796
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12796
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12796
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12796
RCEP B	2022	2022	0	B!D12796
RCEP B	2023	2023	0	B!E12796
RCEP B	2024	2024	0	B!F12796
RCEP B	2025	2025	0	B!G12796
RCEP B	2026	2026	0	B!H12796
RCEP B	2027	2027	0	B!I12796
RCEP C	2022	2022	0	C!D12796
RCEP C	2023	2023	0	C!E12796
RCEP C	2024	2024	0	C!F12796
RCEP C	2025	2025	0	C!G12796
RCEP C	2026	2026	0	C!H12796
RCEP C	2027	2027	0	C!I12796

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12795
RCEP D	2023	2023	0	D!E12795
RCEP D	2024	2024	0	D!F12795
RCEP D	2025	2025	0	D!G12795
RCEP D	2026	2026	0	D!H12795
RCEP D	2027	2027	0	D!I12795
RCEP E	2022	2022	0	E!D12799
RCEP E	2023	2023	0	E!E12799
RCEP E	2024	2024	0	E!F12799
RCEP E	2025	2025	0	E!G12799
RCEP E	2026	2026	0	E!H12799
RCEP E	2027	2027	0	E!I12799
RCEP F	2022	2022	0	F!D12796
RCEP F	2023	2023	0	F!E12796
RCEP F	2024	2024	0	F!F12796
RCEP F	2025	2025	0	F!G12796
RCEP F	2026	2026	0	F!H12796
RCEP F	2027	2027	0	F!I12796
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11861
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11861
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11861
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11861

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8421.39 có 3 dòng thuế; dòng 8421.39.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8421.39.20 Máy lọc không khí; 8421.39.30 Loại khác, có vỏ bằng thép không gỉ và có lỗ ống đầu vào và đầu ra có đường kính trong không quá 1,3 cm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8421.39.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8421.39.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13483), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Chính sách mặt hàng
SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.